

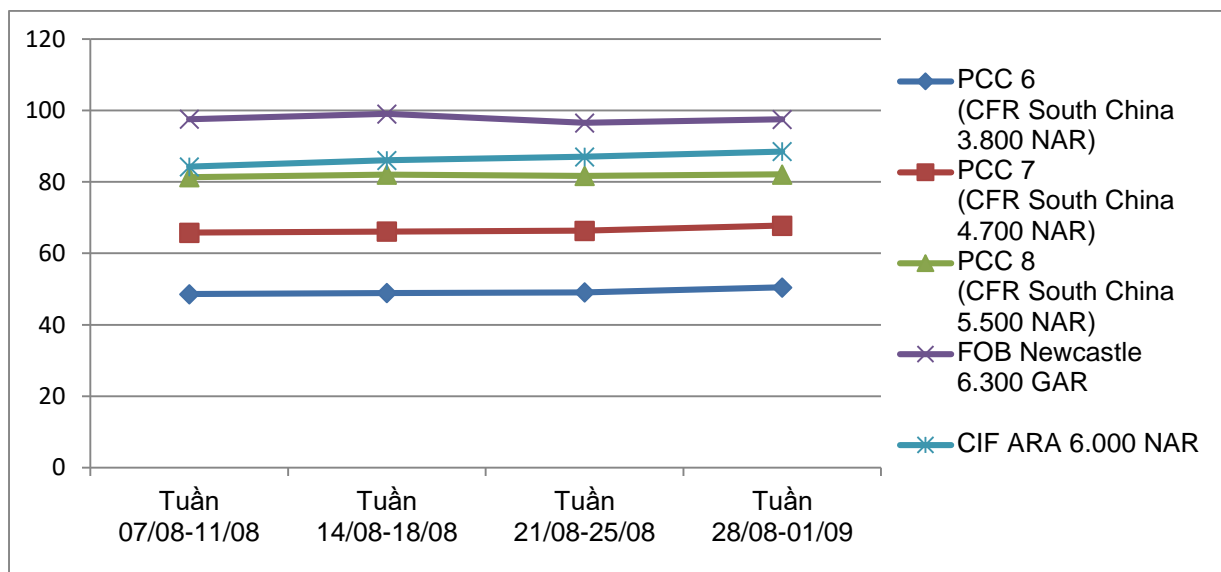
BẢN TIN THAN THÁNG 8
(Từ 01/08 – 31/08/2017)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 07/08-11/08	Tuần 14/08-18/08	Tuần 21/08-25/08	Tuần 28/08-01/09
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	48,58	48,88	49,07	50,44
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	65,78	66,08	66,34	67,75
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	81,32	82,05	81,7	82,08
FOB Newcastle 6,300 GAR	97,56	99,04	96,5	97,50
CIF ARA 6,000 NAR	84,23	86,04	87	88,50
FOB Richards Bay 5,500 NAR	75,74	72,10	71,38	72,58
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	95,40	100,10	101,83	98,16



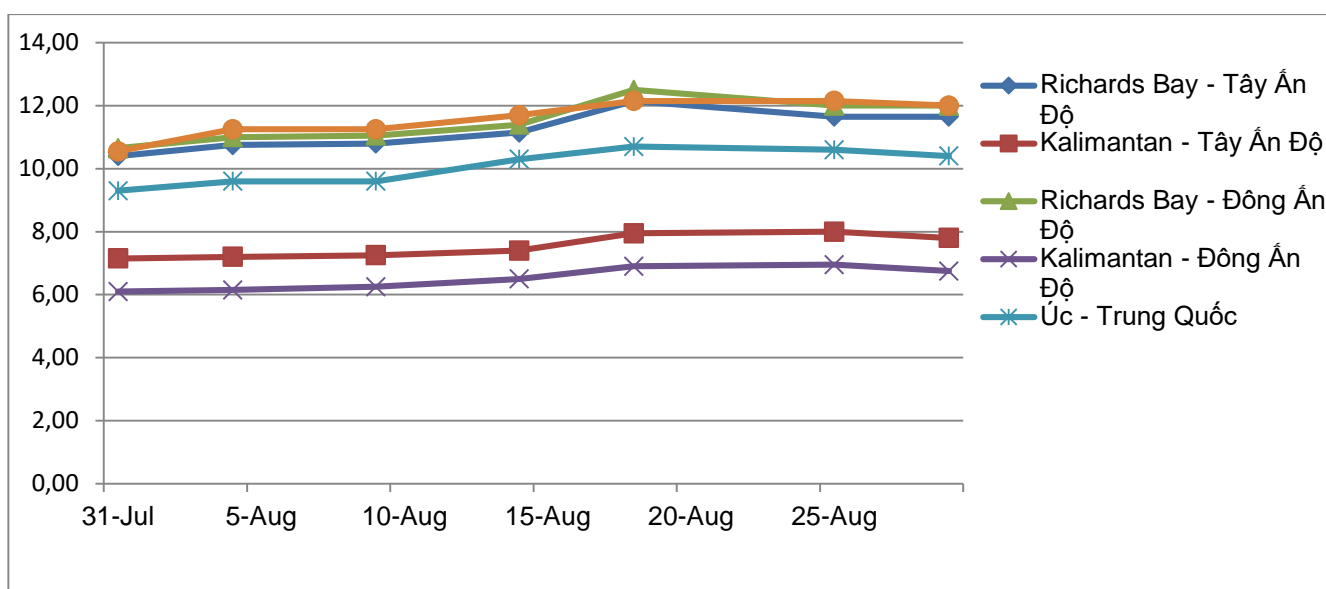
Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tháng 8 (2017)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CUỘC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

Cước vận tải tháng 8	31/7	4/8	9/8	14/8	18/8	25/8	29/8
Tàu Capesize (150.000 tấn)							
1 Úc – Trung Quốc	7,15	7,50	7,40	7,95	8,90	8,65	8,50
2 Queensland – Nhật Bản	7,95	8,30	8,20	8,75	9,70	9,45	9,30
3 New South Wales – Hàn Quốc	8,20	8,55	8,45	9,00	9,95	9,70	9,55
Tàu Panamax (70.000 tấn)							
1 Richards Bay - Tây Ấn Độ	10,40	10,75	10,80	11,15	12,15	11,65	11,65
2 Kalimantan - Tây Ấn Độ	7,15	7,20	7,25	7,40	7,95	8,00	7,80
3 Richards Bay - Đông Ấn Độ	10,65	11,00	11,05	11,40	12,50	12,00	12,00
4 Kalimantan - Đông Ấn Độ	6,10	6,15	6,25	6,50	6,90	6,95	6,75
5 Úc - Trung Quốc	9,30	9,60	9,60	10,30	10,70	10,60	10,40
6 Úc - Ấn Độ	10,55	11,25	11,25	11,70	12,15	12,15	12,00



Biểu đồ 2: Giá cước vận tải quốc tế tháng 8 (2017)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Xuất khẩu than trong tháng 7 ở Nam Phi giảm xuống mức thấp nhất từ đầu năm đến nay

Xuất khẩu than Nam Phi trong tháng 7 đạt 4,69 triệu tấn, thấp nhất trong vòng 12 tháng trở lại đây.

Thị trường	Khối lượng (mt)	% thay đổi/tháng	% thay đổi/năm	Thị phần
Ấn Độ	1.634.839	-42	-30	34,82%
Châu Âu	915.487	-15	-25	19,5%
Pakistan	654.232	41	113	13,93%
Hàn Quốc	373.100	-37	N/A	7,95%
Đài Loan	150.000	-51	0	3,19%
Thổ Nhĩ Kỳ	86.675	-82	75	1,85%
Tổng	4.695.602	-30	1	

Lượng than Nam Phi xuất khẩu sang thị trường chủ lực Ấn Độ đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 1 năm nay, do kho dự trữ của các NMNĐ duy trì ở mức thấp trong mùa mưa. Trong số các thị trường lớn, Pakistan là nước duy nhất tăng nhập khẩu than Nam Phi trong tháng 7 sau khi hạn chế nhập khẩu trong tháng 6, thị phần cũng tăng gấp đôi so với tháng 6 lên đến 14%. Trong khi đó, Châu Âu lại giảm nhập khẩu than Nam Phi trong tháng 7 do bán đảo Iberian, khu vực nhập khẩu than Nam Phi nhiều nhất Châu Âu trong tháng 6, giảm 56% lượng than so với tháng 6. Tuy nhiên xuất khẩu tới các cảng ở Hà Lan trong tháng 7 đã tăng 70% so với tháng trước đó lên mức 382.093 tấn. Xuất khẩu sang Hàn Quốc, Đài Loan và Thổ Nhĩ Kỳ đều giảm mạnh so với tháng 6, các nước này lần lượt giảm lượng nhập khẩu ở mức 37%, 51% và đặc biệt Thổ Nhĩ Kỳ giảm đến 82%.

NMNĐ phát thải thấp nhận được sự ủng hộ ở New South Wales

Một khảo sát mới đây cho thấy người dân NSW phần lớn đều ủng hộ việc xây dựng NMNĐ thân thiện với môi trường ở bang này. Một cuộc khảo sát lấy ý kiến của 1000 người trên khắp NSW do Crosby Textor thực hiện cho Hiệp hội Khoáng sản NSW cho thấy 64% số người ủng hộ việc xây dựng một NMNĐ mới với điều kiện nhà máy này có thể sản xuất điện với mức phát thải thấp hơn các NMNĐ hiện có, chỉ có 33% số người phản đối điều này. Đáng chú ý, khảo sát cho thấy 81% Hiệp hội ủng hộ dự án, chỉ có 16% phản đối. Trong số cử tri Đảng Lao động, chấp thuận là 57% so với 40% phản đối. 59% dân cư Sydney chấp thuận, và 69% dân số chấp thuận từ bang NSW.

Ông Stephen Galilee - Giám đốc điều hành hiệp hội Khoáng sản NSW cho biết: “Khảo sát này cho thấy sự ủng hộ rộng khắp trên khắp NSW đối với việc xây dựng NMNĐ mới, và đây cũng là một phần trong kế hoạch phát triển năng lượng trong tương lai của chúng tôi.”

Ông Galilee cho biết thêm: “Kể từ khi đóng cửa các NMNĐ ở Victoria và phía Nam Australia gần đây, chúng tôi đã nhận thấy nguồn cung cấp điện giảm trong khi giá lại tăng. Tại Hunter, AGL dự định sẽ đóng cửa NMNĐ Liddell trong 5 năm tới và không có phương án bù đắp công suất điện thiếu hụt, tình trạng đang trở nên trầm trọng hơn.”

“Các doanh nghiệp khai thác và sản xuất than tại các khu công nghiệp phía Tây Sydney và các cộng đồng khai thác mỏ trong khu vực thường xuyên bày tỏ mối quan tâm của họ đối với chi phí điện năng cao và mức độ ổn định của nguồn cung trong tương lai”.

“Mặc dù phần lớn người dân ủng hộ phát triển năng lượng tái tạo, nhưng nhiều người lo ngại về mức độ ổn định của năng lượng gió và năng lượng mặt trời. Nhiều người quan ngại sẽ buộc phải làm giống như các công ty ở phía Nam Australia và sử dụng máy phát điện diesel để cung cấp năng lượng dự phòng trong trường hợp mất điện”.

“Các hộ gia đình cũng bị ảnh hưởng bởi hóa đơn điện tăng cao trong mùa đông và do đó tạo áp lực cho chúng tôi”.

Một NMNĐ có hiệu suất cao, phát thải thấp (HELE) có tiềm năng trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của NSW trong hàng chục năm tới, đồng thời giảm lượng phát thải so với nhà máy Liddell xuống khoảng 25%.

Ông Galilee cho biết: “Đây không phải là sự lựa chọn giữa năng lượng tái tạo và nhiệt điện than. Đó là mối quan hệ hợp tác. Nguồn nhiệt điện ổn định, đáng tin cậy sẽ cho phép năng lượng tái tạo phát triển”.

“Tại NSW, chúng ta có cơ sở hạ tầng, than chất lượng cao, lực lượng lao động khai thác mỏ tầm cỡ thế giới và nhu cầu cần thiết để giúp các dự án sản xuất điện thành công.”

Sản lượng than của Ukraine 8 tháng đầu năm 2017 thấp hơn so với năm 2016

Sản lượng than của Ukraine trong 8 tháng đầu năm 2017 đã giảm 9,4% so với cùng kỳ năm ngoái xuống còn 23,59 triệu tấn, thấp hơn so với mức 26,05 triệu tấn năm ngoái. Cụ thể sản lượng than nhiệt giảm 5% xuống còn 19,09 triệu tấn từ mức 20,09 triệu tấn, trong khi đó sản lượng than cốc giảm đến 24,5% xuống còn 4,5 triệu tấn từ 5,96 triệu tấn.

Bộ trưởng Năng lượng và Than, ông Ihor Nasalyk cho biết nước này đang phải đối mặt với việc thiếu hụt than nhiệt. Hoạt động khai thác than tại Ukraine đã bị gián đoạn từ tháng 6 năm 2014 do các cuộc xung đột vũ trang với phiến quân người Nga ở Donetsk và Luhansk, hai vùng sản xuất than chính của nước này. Tình hình càng trầm trọng thêm vào tháng 2 khi các phiến quân chặn hoàn toàn nguồn cung cấp than cho Ukraine và chuyển sang cung cấp cho Nga. Ukraine đã phản ứng bằng cách tăng cường nhập khẩu than anthracite từ Nam Phi và Mỹ để đảm bảo có đủ lượng than sử dụng trong sáu tháng mùa cao điểm, bắt đầu từ tháng 10. Tính riêng trong tháng 8, Ukraine đã sản xuất 2,54 triệu tấn than, giảm 25,7% so với mức 3,42 triệu tấn trong tháng 8/2016 và thấp hơn so với mức 2,64 triệu tấn trong tháng 7. So với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng than nhiệt giảm 25,4% xuống còn 2,09 triệu tấn từ mức 2,8 triệu tấn và than cốc giảm 26,8% xuống còn 454.000 tấn từ mức 620.000 tấn. Sản lượng than của Ukraine trong năm 2016 đạt 40,86 triệu tấn và đạt 39,74 triệu tấn vào năm 2015.

Ấn Độ giảm nhập khẩu than từ tháng 4 đến tháng 8

Từ tháng 4 đến tháng 8 năm nay, 12 cảng lớn của chính phủ Ấn Độ đã nhận khoảng 35,12 triệu tấn than nhiệt nhập khẩu, giảm 18,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó lượng than cốc nhập khẩu trong giai đoạn này tương đương với cùng kỳ năm ngoái ở mức 20,51 triệu tấn. Cảng Paradip ở phía Đông tiếp nhận lượng than nhiệt nhập khẩu cao nhất trong 5 tháng, tổng cộng 10,43 triệu tấn, giảm 14% so với năm ngoái. Cảng Paradip cũng tiếp nhận lượng than cốc nhập khẩu cao nhất với 5 triệu tấn, tăng 19% so với năm ngoái. 12 cảng bao gồm: Kolkata, Paradip, Visakhapatnam, Ennore, Chennai, VO Chidambaranar in Tuticorin, Cochin, New Mangalore, Mormugao, Mumbai, Jawaharlal Nehru Port Trust và Kandla. Cảng Chennai và JNPT không tiếp nhận than trong thời gian này.

(Nguồn: Platts)